

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160 đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch	
Bà Lý Thị Liên	Thành viên	
Ông Lã Anh Thắng	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Bà Lương Thị Thúy Hà	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	(bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Bà Đoàn Thị Thu	Thành viên	(bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Ông Lã Anh Thắng	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Bà Lý Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thời**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Số: 8/19 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, từ trang 04 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.



Trần Thị Thủy Ngọc  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01- DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>444.281.361.274</b>	<b>381.416.174.972</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.631.579.710</b>	<b>59.849.406.097</b>
1. Tiền	111		13.631.579.710	59.849.406.097
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.028.203.996</b>	<b>121.514.614.214</b>
1. Phải thu khách hàng	131		150.975.532.142	83.623.606.549
2. Trả trước cho người bán	132		6.437.188.067	13.219.214.457
3. Các khoản phải thu khác	135	6	18.656.376.001	29.462.636.740
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.040.892.214)	(4.790.843.532)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>251.974.150.875</b>	<b>186.733.157.128</b>
1. Hàng tồn kho	141		251.974.150.875	186.783.157.128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(50.000.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.647.426.693</b>	<b>13.318.997.533</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.565.688.089	2.198.360.009
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.801.299.529	4.139.743.840
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	280.439.075	6.980.893.684
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>507.036.753.768</b>	<b>440.067.926.112</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>488.018.847.493</b>	<b>424.265.348.976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	345.866.091.042	333.872.801.083
- Nguyên giá	222		523.601.571.983	484.189.097.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.735.480.941)	(150.316.296.151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	31.054.361.392	17.644.661.506
- Nguyên giá	225		35.737.236.678	18.148.794.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.682.875.286)	(504.133.187)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	20.583.433.233	18.965.758.151
- Nguyên giá	228		22.939.040.692	20.087.158.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.355.607.459)	(1.121.400.661)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	90.514.961.826	53.782.128.236
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.800.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	4.271.150.000	771.150.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.300.000.000	1.300.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(771.150.000)	(771.150.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.217.906.275</b>	<b>14.502.577.136</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.407.827.067	13.506.673.928
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.810.079.208	995.903.208
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>951.318.115.042</b>	<b>821.484.101.084</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>738.268.801.652</b>	<b>606.901.111.793</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>568.391.263.306</b>	<b>489.417.275.085</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	481.877.218.164	397.062.770.412
2. Phải trả người bán	312		64.732.764.814	62.305.238.761
3. Người mua trả tiền trước	313		259.195.072	817.958.524
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		856.223.036	4.585.678.565
5. Phải trả người lao động	315		13.700.874.295	16.065.708.937
6. Chi phí phải trả	316		1.409.822.589	1.882.234.386
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.487.210.123	5.036.544.302
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		67.955.213	1.661.141.198
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>169.877.538.346</b>	<b>117.483.836.708</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	169.877.538.346	116.180.317.084
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.303.519.624
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>213.049.313.390</b>	<b>214.582.989.291</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>213.049.313.390</b>	<b>214.582.989.291</b>
1. Vốn điều lệ	411		134.613.250.000	134.613.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.908.861.362	29.908.861.362
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		54.994.591	54.994.591
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.061.674.750	17.061.674.750
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.842.704.136	5.290.954.492
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.336.169.472	3.108.954.492
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.231.659.079	24.544.299.604
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>951.318.115.042</b>	<b>821.484.101.084</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	549.636	1.197.510

Lương Thị Thúy Hà  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Lý Thị Liên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.209.219.646.016	1.146.604.912.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	47.933.930
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.209.219.646.016	1.146.556.978.984
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	973.250.892.055	959.769.398.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		235.968.753.961	186.787.580.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.273.533.727	15.512.619.420
7. Chi phí tài chính	22	20	80.656.113.391	76.300.071.406
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		77.047.443.329	51.429.178.710
8. Chi phí bán hàng	24		26.136.607.249	19.800.772.077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		111.058.672.627	79.849.708.461
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.390.894.421	26.349.647.510
11. Thu nhập khác	31	21	5.476.569.114	19.137.464.666
12. Chi phí khác	32	21	5.403.707.428	18.627.170.311
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	72.861.686	510.294.355
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.463.756.107	26.859.941.865
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.582.097.028	2.315.642.261
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		21.881.659.079	24.544.299.604
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.626	1.963

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



Lương Thị Thúy Hà  
Người lập biểu

Lý Thị Liên  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>23.463.756.107</b>	<b>26.859.941.865</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	42.693.732.429	37.147.556.042
Các khoản dự phòng	03	200.048.682	1.276.133.200
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(209.109.495)	(241.587.749)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	35.589.212	(1.042.768.920)
Chi phí lãi vay	06	77.047.443.329	51.429.178.710
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>143.231.460.264</b>	<b>115.428.453.148</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(51.257.008.683)	(24.435.525.325)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(65.190.993.747)	(52.706.724.822)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.497.222.237)	10.092.676.864
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.956.241.701	(15.564.910.469)
Tiền lãi vay đã trả	13	(77.428.425.453)	(51.381.701.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.215.405.347)	(1.622.554.424)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.358.731.400)	(2.473.486.248)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(65.759.584.902)</b>	<b>(22.663.772.337)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(95.432.870.677)	(213.030.252.752)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.884.560.707	12.820.928.705
3. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	1.051.785.993	885.452.073
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(90.496.523.977)</b>	<b>(199.323.871.974)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	60.768.525.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.232.014.689.001	1.078.759.389.817
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.100.438.286.509)	(864.407.319.088)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(21.538.120.000)	(16.764.345.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>110.038.282.492</b>	<b>258.356.250.729</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(46.217.826.387)</b>	<b>36.368.606.418</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>59.849.406.097</b>	<b>23.480.799.679</b>
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>13.631.579.710</b>	<b>59.849.406.097</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 20.004.369.321 VND (năm 2011 là 19.809.085.252 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lương Thị Thúy Hà  
Người lập biểu



Lý Thị Liên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập theo Quyết định số 448/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Thái (nay là Tỉnh Thái Nguyên) ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2003. Từ khi thực hiện thành công chuyển đổi thành công ty cổ phần đến ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã có mười ba lần thực hiện sửa đổi Giấy phép kinh doanh vào các ngày ngày 25 tháng 3 năm 2003, ngày 17 tháng 5 năm 2005, ngày 28 tháng 12 năm 2006, ngày 16 tháng 4 năm 2007; ngày 5 tháng 9 năm 2007; ngày 08 tháng 10 năm 2007; ngày 27 tháng 5 năm 2008; ngày 23 tháng 01 năm 2009; ngày 03 tháng 8 năm 2009; ngày 10 tháng 5 năm 2010, ngày 09 tháng 6 năm 2010, ngày 23 tháng 3 năm 2011 và ngày 02 tháng 3 năm 2012. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TNG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.259 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.319).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc; sản xuất bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc; đào tạo nghề may công nghiệp; mua bán máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư; vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa; mua bán thiết bị vi tính, máy văn phòng, thiết bị viễn thông; dịch vụ cho thuê hosting, đăng ký tên miền, thiết kế website; dịch vụ cho thuê máy vi tính, máy chiếu, lắp đặt sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng; mua bán máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư cơ khí, điện; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, cải tạo công trình cơ khí, điện nước; gia công sản phẩm cơ khí.

**2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 124.109.902.032 VND (31 tháng 12 năm 2011: 108.001.100.113 VND) và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 65.759.584.902 VND (năm 2011: 22.663.772.337 VND) do Công ty sử dụng vốn lưu động để đầu tư tài sản cố định. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Dựa trên kế hoạch kinh doanh trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2013. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính này trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay và các công nợ tài chính khác.

**Đánh giá lại sáu lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Trong năm 2012, Công ty thực hiện thay đổi phương pháp tính giá sản phẩm dở dang cuối kỳ. Theo đó, giá sản phẩm dở dang cuối kỳ sẽ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung (năm 2011 giá của sản phẩm dở dang được tính theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp). Việc áp dụng phương pháp tính giá nêu trên làm cho lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng lên khoảng 19 tỷ đồng và thành phẩm tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giảm khoảng 5 tỷ đồng so với cách tính của năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng, việc thay đổi phương pháp tính giá nêu trên sẽ phản ánh chính xác hơn giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ cũng như phù hợp với hoạt động sản xuất của Công ty.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2012</b> <b>(số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Thuê tài sản**

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	<b>2012</b> <b>(Số năm)</b>
Máy móc và thiết bị	7

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện chi phí mua 1.984,5 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất tại phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Quyền sử dụng đất này không có thời hạn, theo đó không trích khấu hao.

Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Trong năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính, cụ thể như sau:

- Ưu đãi khi doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa ngày 01 tháng 01 năm 2003: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ năm 2003; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo;
- Dự án đầu tư xưởng may ba tầng xí nghiệp may Việt Đức (TNG1): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ năm 2006 cho phần thu nhập tăng thêm, miễn 1 năm và giảm 50% trong 4 năm số thuế phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm;
- Dự án đầu tư nhà máy TNG Sông Công: thuế suất ưu đãi 15% cho 12 năm kể từ năm 2007; miễn 3 năm và giảm 50% trong 5 năm cho thu nhập phát sinh tại TNG Sông Công.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	866.978.035	277.299.086
Tiền gửi ngân hàng	1.993.572.057	59.572.107.011
Tiền đang chuyển	10.771.029.618	-
	<b>13.631.579.710</b>	<b>59.849.406.097</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã sử dụng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bồi thường giải phóng mặt bằng - Phú bình (i)	1.833.990.486	8.500.937.500
Bồi thường giải phóng mặt bằng - Sông công (ii)	5.120.766.923	5.120.766.923
Chi phí san nền nhà máy -Sông công (ii)	3.596.085.741	3.596.085.741
Phải thu thuế VAT tạm nộp	2.444.140.939	1.810.728.088
Phải thu thuế Xuất nhập khẩu tạm nộp	2.996.480.369	4.936.342.836
Phải thu cơ quan bảo hiểm (iii)	1.468.567.808	5.262.350.981
Phải thu khác	1.196.343.735	235.424.671
	<b>18.656.376.001</b>	<b>29.462.636.740</b>

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước giúp UBND huyện Phú Bình đền bù và giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Phú Bình trong năm 2012. Hiện tại việc đền bù và giải phóng mặt bằng chưa hoàn thành cũng như chưa được phê duyệt từ UBND huyện Phú Bình. Giá trị đền bù, giải phóng mặt bằng phát sinh từ năm 2010 đã hoàn thành và được kết chuyển vào chi phí xây dựng dở dang năm 2012 với số tiền là 6.666.947.014 VND.

(ii) Đây là khoản tiền Công ty trả hộ UBND tỉnh Thái Nguyên để đền bù và giải phóng mặt bằng tại khu công nghiệp Sông Công từ năm 2009. Theo Quyết định số 186/UBND-KTTH của UBND tỉnh Thái Nguyên, Công ty sẽ được sở tài chính Thái Nguyên hoàn trả lại khoản tiền này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng sẽ thu hồi được khoản phải thu này.

(iii) Công ty ứng trước để chi trả hộ cho cơ quan bảo hiểm tiền ốm đau, thai sản cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.352.100.321	13.532.783.602
Nguyên liệu, vật liệu	89.578.025.814	44.367.728.933
Công cụ, dụng cụ	863.794.056	978.401.056
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.852.084.615	18.676.534.008
Thành phẩm	96.328.146.069	109.227.709.529
	<u>251.974.150.875</u>	<u>186.783.157.128</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(50.000.000)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>251.974.150.875</b></u>	<u><b>186.733.157.128</b></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4 triệu USD để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam và một phần giá trị hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam.

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (i)	-	6.061.249.628
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	280.439.075	919.644.056
	<u>280.439.075</u>	<u>6.980.893.684</u>

(i) Là khoản phải thu các công ty bảo hiểm liên quan tới khoản thiệt hại của vụ cháy xảy ra vào ngày 27 tháng 5 năm 2011 tại nhà máy TNG Sông Công 2. Trong năm 2012, Công ty đã thu hồi được 4.426.423.672 VND tiền bồi thường từ các công ty bảo hiểm, phần còn lại được hạch toán vào giá vốn hàng bán với số tiền là 1.634.825.956 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	258.869.104.004	203.784.443.452	17.323.587.814	4.211.961.964	484.189.097.234
Mua trong năm	2.155.133.867	5.482.418.524	782.363.636	2.328.150.475	10.748.066.502
Đầu tư mua sắm, XDCB hoàn thành	41.884.841.879	3.410.530.895	-	-	45.295.372.774
Phân loại lại	(17.615.744.154)	18.495.960.241	(670.219.204)	(209.996.883)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.302.053.329)	(1.150.298.000)	-	(14.452.351.329)
Góp vốn vào công ty liên kết	-	(1.781.372.564)	-	-	(1.781.372.564)
Giảm khác	(232.480.634)	-	-	(164.760.000)	(397.240.634)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>285.060.854.962</b>	<b>216.089.927.219</b>	<b>16.285.434.246</b>	<b>6.165.355.556</b>	<b>523.601.571.983</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	35.674.595.782	106.945.916.605	6.027.314.095	1.668.469.669	150.316.296.151
Khấu hao trong năm	10.090.697.823	24.852.681.858	1.849.597.720	487.806.131	37.280.783.532
Thanh lý	-	(8.809.597.583)	(670.817.834)	-	(9.480.415.417)
Góp vốn vào công ty liên kết	-	(367.089.509)	-	-	(367.089.509)
Giảm khác	(14.093.816)	-	-	-	(14.093.816)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>45.751.199.789</b>	<b>122.621.911.371</b>	<b>7.206.093.981</b>	<b>2.156.275.800</b>	<b>177.735.480.941</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>239.309.655.173</b>	<b>93.468.015.848</b>	<b>9.079.340.265</b>	<b>4.009.079.756</b>	<b>345.866.091.042</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>223.194.508.222</b>	<b>96.838.526.847</b>	<b>11.296.273.719</b>	<b>2.543.492.295</b>	<b>333.872.801.083</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 15, trong năm Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa và vật kiến trúc với tổng nguyên giá là 205 tỷ VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên; và thế chấp toàn bộ công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B khu công nghiệp Sông Công với giá trị là 148,162 tỷ VND, nhà xưởng, các công trình phụ trợ trên đất với giá trị là 12 tỷ VND, máy móc thiết bị may công nghiệp với giá trị là 3,9 tỷ VND, máy thuê tự động với giá trị là 4,5 tỷ VND để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.805.569.616 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 31.526.353.435 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên  
Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	18.148.794.693	18.148.794.693
Thuê tài chính trong năm	17.588.441.985	17.588.441.985
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>35.737.236.678</b>	<b>35.737.236.678</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	504.133.187	504.133.187
Khấu hao trong năm	4.178.742.099	4.178.742.099
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>4.682.875.286</b>	<b>4.682.875.286</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2012	<b>31.054.361.392</b>	<b>31.054.361.392</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>17.644.661.506</b>	<b>17.644.661.506</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	14.742.650.000	5.344.508.812	20.087.158.812
Mua trong năm	-	2.851.881.880	2.851.881.880
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>14.742.650.000</b>	<b>8.196.390.692</b>	<b>22.939.040.692</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	1.121.400.661	1.121.400.661
Khấu hao trong năm	-	1.234.206.798	1.234.206.798
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>-</b>	<b>2.355.607.459</b>	<b>2.355.607.459</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<b>14.742.650.000</b>	<b>5.840.783.233</b>	<b>20.583.433.233</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>14.742.650.000</b>	<b>4.223.108.151</b>	<b>18.965.758.151</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	53.782.128.236	28.975.702.465
Tăng	83.302.184.866	193.776.081.007
Kết chuyển sang tài sản cố định	(45.295.372.774)	(164.675.005.236)
Giảm khác	(1.273.978.502)	(4.294.650.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>90.514.961.826</b>	<b>53.782.128.236</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG (Tiếp theo)**

Trong đó bao gồm những công trình lớn như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nhà xưởng may số 1	2.190.565.082	132.528.112
Nhà xưởng may số 2	50.202.970.129	960.424.414
Dự án Phú Bình	2.201.152.939	1.094.174.452
Nhà phụ trợ số 2	6.395.510.300	169.651.597
Mua đất Khu tập thể	6.118.296.143	6.118.296.143
Mua đất mở rộng Chi nhánh Việt Thái	6.374.741.297	6.330.000.000
San nền Chi nhánh Sông Công	7.446.797.545	7.446.797.545
Nhà ăn ca Sông Công	-	7.910.494.093
Nhà điều hành 6 tầng Phú Bình	-	14.916.380.229
Mở rộng xưởng sản xuất bông tằm	-	3.914.531.414
Hệ thống xử lý nước thải chi nhánh Phú Bình	2.910.735.629	-
Sân đường, thoát nước giai đoạn 2 Chi nhánh Phú Bình	2.065.840.610	-
Khác	4.608.352.152	4.788.850.237
	<u>90.514.961.826</u>	<u>53.782.128.236</u>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	771.150.000	771.150.000
Công ty Cổ phần Thời trang TNG (i)	3.500.000.000	-
	<u>4.271.150.000</u>	<u>771.150.000</u>

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 360/ND/HĐQT ngày 05 tháng 6 năm 2012, Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thời trang TNG bằng tài sản cố định và bù trừ công nợ với số tiền là 3,5 tỷ tương đương 35% vốn điều lệ.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	Thái Nguyên	49	49	Xây lắp điện
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	Thái Nguyên	35	35	Bán hàng thời trang

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái chưa cung cấp được số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp sẽ bằng đúng giá trị Công ty đã góp vốn. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 771.150.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>427.878.301.329</b>	<b>326.919.720.251</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	246.332.561.093	162.458.035.146
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	147.451.842.626	123.354.927.630
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam	-	8.460.404.642
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iii)	23.540.010.275	17.723.577.227
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (iv)	9.128.630.859	14.388.739.706
Khoản vay ngắn hạn khác (v)	1.425.256.476	534.035.900
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>53.998.916.835</b>	<b>70.143.050.161</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	38.624.279.944	70.143.050.161
Thuê tài chính đến hạn trả	9.514.636.891	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	4.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam	1.860.000.000	-
	<b>481.877.218.164</b>	<b>397.062.770.412</b>

- i. Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 300065363/HM2012 ngày 07 tháng 6 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 250 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD) với mục đích phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 07 tháng 6 năm 2012 đến ngày 31 tháng 05 năm 2013. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm cộng chi phí huy động tăng thêm nhưng không thấp hơn sản lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định. Khoản vay bằng USD chịu lãi theo tỷ lệ lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ tối thiểu 4,5%/năm cộng chi phí huy động tăng thêm. Khoản vay này được đảm bảo một phần bằng tài sản, áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị may công nghiệp, văn phòng của Công ty với giá trị thế chấp là 3,9 tỷ đồng, các công trình trên đất và quyền sử dụng đất văn phòng của Công ty với giá trị là 12 tỷ VND, 4 máy thu tự động với giá trị là 4,5 tỷ VND (xem Thuyết minh số 9).
- ii. Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 29 tháng 6 năm 2012 với hạn mức tín dụng tối đa cho dư nợ vay ngắn hạn là 300 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD) nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Giá trị tài sản đảm bảo, phương thức xử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định tại Hợp đồng đảm bảo tiền vay; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.
- iii. Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư gia hạn đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 002-107027 ngày 26 tháng 4 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 4 triệu USD hoặc tương đương bằng VND nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động của Công ty. Với khoản vay dành cho nhập khẩu và tiện ích chiết khấu hóa đơn, lãi suất được tính bằng lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng với 2,5%/năm (đối với khoản vay bằng USD) hoặc lãi suất cho vay cơ bản VND của thời hạn tương ứng cộng với 2,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Với khoản vay phục vụ mở tín dụng chứng từ, phí mở tín dụng chứng từ là 0,1%/tháng (tối thiểu là 1 triệu VND, tối đa là 40 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của Công ty với trị giá ít nhất 4 triệu USD, hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho với trị giá 4 triệu USD (xem Thuyết minh số 7).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên  
Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- iv. Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (gọi tắt là ANZ) theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 12 tháng 4 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 2 triệu USD nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động của Công ty. Với khoản vay cho tiện ích thương mại, lãi suất bằng tổng của 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay của ANZ. Tiện ích và các khoản tiền còn nợ ANZ được đảm bảo bằng quyền ưu tiên thứ nhất với toàn bộ hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty với giá trị sổ sách còn lại tối thiểu tương đương với dư nợ của tiện ích ANZ cho Công ty vay.
- v. Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty với các mức lãi suất như sau: 3%/năm cho khoản vay không kỳ hạn, 10% cho khoản vay kỳ hạn 3 tháng.

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	111.668.108.100	91.872.100.527
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam (ii)	7.885.000.000	9.745.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	36.000.000.000	-
Vay dài hạn khác (iv)	6.044.686.364	6.057.384.364
Nợ thuê tài chính dài hạn (v)	8.279.743.882	8.505.832.193
	<b>169.877.538.346</b>	<b>116.180.317.084</b>

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 23 tháng 2 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 192,658 tỷ VND với thời hạn 6 năm để phục vụ nhu cầu xây dựng nhà máy TNG Phú Bình của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên cộng phí tối thiểu 4%/năm cho những khoản vay bằng đồng Việt Nam (điều chỉnh 2 lần một năm vào ngày 25/6 và 25/12) và lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng tối thiểu 3,5%/năm cho những khoản vay bằng USD. Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc với tổng giá trị là 204.966.315.443 VND (xem Thuyết minh số 9) - đây là tài sản đồng đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 29 tháng 6 năm 2012 như đã trình bày tại thuyết minh số 14 (ii) và thế chấp cô phiếu niêm yết, chưa niêm yết của lãnh đạo Công ty với tổng giá trị là 31.294.060.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay.

(ii) Khoản vay từ Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/DH/HĐKT ngày 11 tháng 01 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 17 tỷ VND với thời hạn 7 năm để phục vụ nhu cầu xây dựng khu nhà nghỉ giữa ca của Nhà máy TNG Sông Công của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất 18%/năm, điều chỉnh định kỳ vào ngày đầu tiên của quý. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản và các quyền cùng lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO150528 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28 tháng 12 năm 2008.

(iii) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 30006563/2012/HĐTD ngày 6 tháng 10 năm 2012 với số tiền cho vay là 40 tỷ đồng trong thời hạn 60 tháng. Mục đích để đầu tư dự án xây dựng cải tạo và nâng cấp các công trình xây dựng cơ bản của Công ty. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm và sẽ tự động điều chỉnh hàng tháng khi có sự biến động của thị trường hoặc những quy định của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn và/hoặc theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản cố định là công trình vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B khu công nghiệp Sông Công trị giá 148.162.000.000 đồng (xem Thuyết minh số 9) - đây là tài sản đồng đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 300065363/HM2012 ngày 07 tháng 6 năm 2012 như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 (i). Ngoài ra, Công ty phải bổ sung thêm các tài sản khác để đảm bảo cho toàn bộ dư nợ ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(iv) Khoản vay dài hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty với mức lãi suất 0%/năm.

(v) Nợ thuê tài chính phản ánh Hợp đồng thuê tài chính số 05.08.11/HĐCTTCLB-TNG ngày 26 tháng 8 năm 2011 và số 05/08.11/HĐCTC-TNG ngày 13 tháng 2 năm 2012 với Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu và hợp đồng thuê tài chính số 1111337H2 ngày 15 tháng 11 năm 2011 với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease. Các khoản vay này có thời hạn 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định theo từng thời kỳ.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	53.998.916.835	70.143.050.161
Trong năm thứ hai	51.954.573.669	45.605.616.962
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	117.477.964.677	62.212.315.748
Sau năm năm	445.000.000	8.362.384.374
	<b>223.876.455.181</b>	<b>186.323.367.245</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	53.998.916.835	70.143.050.161
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>169.877.538.346</b>	<b>116.180.317.084</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên  
Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu + VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	86.875.500.000	16.878.086.362	54.994.591	14.459.648.854	4.080.556.311	1.898.556.311	24.207.963.620	148.455.306.049
Tăng vốn trong năm	47.737.750.000	13.030.775.000	-	-	-	-	-	60.768.525.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	24.544.299.604	24.544.299.604
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(16.764.345.000)	(16.764.345.000)
Trích quỹ	-	-	-	2.602.025.896	1.210.398.181	1.210.398.181	(7.443.618.620)	(2.420.796.362)
Số dư tại ngày 01/01/2012	134.613.250.000	29.908.861.362	54.994.591	17.061.674.750	5.290.954.492	3.108.954.492	24.544.299.604	214.582.989.291
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	21.881.659.079	21.881.659.079
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(24.538.120.000)	(21.538.120.000)
Trích quỹ năm 2011 (i)	-	-	-	-	551.749.644	1.227.214.980	(3.006.179.604)	(1.227.214.980)
Tạm trích quỹ năm 2012 (ii)	-	-	-	-	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	134.613.250.000	29.908.861.362	54.994.591	17.061.674.750	5.842.704.136	4.336.169.472	21.231.659.079	213.049.313.390

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 229/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2012, Công ty thực hiện chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 với tỷ lệ 16% vốn điều lệ tương đương 21.538.120.000 VND, đồng thời phân chia các quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 551.749.644 VND, 1.227.214.980 VND và 1.227.214.980 VND.

(ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền là 650.000.000 VND theo Nghị quyết số 2035/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Quản trị. Số chính thức sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.461.325	13.461.325
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.461.325	13.461.325
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.461.325	13.461.325
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.461.325	13.461.325

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/cổ phiếu.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.086.814.900.153	926.346.298.108
Doanh thu gia công	122.404.745.863	220.258.614.806
	<u>1.209.219.646.016</u>	<u>1.146.604.912.914</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	-	47.933.930
	<u>1.209.219.646.016</u>	<u>1.146.556.978.984</u>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng	874.732.373.525	775.401.203.798
Giá vốn gia công	98.518.518.530	184.368.195.152
	<u>973.250.892.055</u>	<u>959.769.398.950</u>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.051.785.993	885.452.073
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.221.747.734	14.627.167.347
	<u>5.273.533.727</u>	<u>15.512.619.420</u>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	77.047.443.329	51.429.178.710
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.608.670.062	24.870.892.696
	<u>80.656.113.391</u>	<u>76.300.071.406</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012	2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.884.560.707	18.834.892.768
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	731.223.024	-
Thu nhập khác	860.785.383	302.571.898
	<b>5.476.569.114</b>	<b>19.137.464.666</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	4.971.935.912	18.435.768.147
Chi phí khác	431.771.516	191.402.164
	<b>5.403.707.428</b>	<b>18.627.170.311</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>72.861.686</b>	<b>510.294.355</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	682.997.700.157	831.595.061.927
Chi phí nhân công	338.576.986.651	262.664.637.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.693.732.429	37.147.556.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.788.761.821	16.380.266.276
Chi phí khác	43.264.372.859	31.611.292.569
	<b>1.125.321.553.917</b>	<b>1.179.398.814.222</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012	2011
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.463.756.107</b>	<b>26.859.941.865</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>959.238.074</b>	<b>26.000.000</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	959.238.074	26.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>24.422.994.181</b>	<b>26.885.941.865</b>
<i>Trong đó: Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính</i>	24.422.994.181	26.885.941.865
<i>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác</i>	-	-
Thuế suất	7,5%;10%, 20% và 25%	7,5%;10%, 20% và 25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.493.471.273</b>	<b>3.601.417.516</b>
Trừ: Chi phí cho lao động nữ	863.332.863	201.242.297
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	1.048.041.382	1.084.532.958
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.582.097.028</b>	<b>2.315.642.261</b>

(i) Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 do sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực dệt may.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.881.659.079	24.544.299.604
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>21.881.659.079</b>	<b>24.544.299.604</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.461.325	12.506.570
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.626</b>	<b>1.963</b>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 15 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	651.754.756.510	513.243.087.496
Trừ: Tiền	13.631.579.710	59.849.406.097
Nợ thuần	638.123.176.800	453.393.681.399
Vốn chủ sở hữu	213.049.313.390	214.582.989.291
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,00</b>	<b>2,11</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	13.631.579.710	59.849.406.097
Phải thu khách hàng và phải thu khác	162.757.025.443	108.295.399.757
Đầu tư dài hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
Tài sản tài chính khác	1.810.079.208	995.903.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>179.498.684.361</b>	<b>170.440.709.062</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	643.475.012.628	504.737.255.303
Phải trả người bán và phải trả khác	69.030.424.687	66.521.608.279
Chi phí phải trả	1.409.822.589	1.882.234.386
Các khoản nợ thuê tài chính	8.279.743.882	8.505.832.193
<b>Tổng cộng</b>	<b>722.195.003.786</b>	<b>581.646.930.161</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	224.131.077.546	2.193.317.808	155.415.452.256	112.801.263.476

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên  
Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(6.871.562.529)	11.060.794.567

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 13.035.095.130 đồng (2011: 10.264.861.750 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(13.035.095.130)
VND	-200	13.035.095.130
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	(10.264.861.750)
VND	-200	10.264.861.750

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên  
Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền	13.631.579.710	-	-	13.631.579.710
Phải thu khách hàng và phải thu khác	162.757.025.443	-	-	162.757.025.443
Đầu tư dài hạn	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.810.079.208	-	1.810.079.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>176.388.605.153</b>	<b>3.110.079.208</b>	<b>-</b>	<b>179.498.684.361</b>
<b>31/12/2012</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	69.030.424.687	-	-	69.030.424.687
Chi phí phải trả	1.409.822.589	-	-	1.409.822.589
Các khoản vay	481.877.218.164	161.152.794.464	445.000.000	643.475.012.628
Các khoản nợ thuê tài chính	-	8.279.743.882	-	8.279.743.882
<b>Tổng cộng</b>	<b>552.317.465.440</b>	<b>169.432.538.346</b>	<b>445.000.000</b>	<b>722.195.003.786</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(375.928.860.287)</b>	<b>(166.322.459.138)</b>	<b>(445.000.000)</b>	<b>(542.696.319.425)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>				
Tiền	59.849.406.097	-	-	59.849.406.097
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.295.399.757	-	-	108.295.399.757
Đầu tư dài hạn	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Tài sản tài chính khác	-	995.903.208	-	995.903.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>168.144.805.854</b>	<b>2.295.903.208</b>	<b>-</b>	<b>170.440.709.062</b>
<b>31/12/2011</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	66.521.608.279	-	-	66.521.608.279
Chi phí phải trả	1.882.234.386	-	-	1.882.234.386
Các khoản vay	391.959.175.451	112.778.079.852	-	504.737.255.303
Các khoản nợ thuê tài chính	5.103.594.961	3.402.237.232	-	8.505.832.193
<b>Tổng cộng</b>	<b>465.466.613.077</b>	<b>116.180.317.084</b>	<b>-</b>	<b>581.646.930.161</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(297.321.807.223)</b>	<b>(113.884.413.876)</b>	<b>-</b>	<b>(411.206.221.099)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ tài chính vượt quá tài sản tài chính với số tiền là 542.696.319.425 VND. Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Dựa vào kế hoạch kinh doanh trong các năm tiếp theo, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên  
Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	759.449.092	-
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	8.494.074.451	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.024.662.102	1.059.405.321
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	5.928.057.668	-

**27. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

- Công ty có cam kết bán 14 xe ô tô cho một số cán bộ quản lý của Công ty với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đang phản ánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tương ứng là 7.034.937.279 VND và 2.609.383.200 VND. Cam kết này sẽ được thực hiện sau 3 năm đến 5 năm kể từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.
- Công ty có cam kết tiếp tục góp đủ 15% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Cung ứng Vật tư Dệt may Việt Nam. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp được 1,3 tỷ VND, số cam kết góp trong những năm tiếp theo là 1,7 tỷ VND.
- Số dư cam kết thư tín dụng không hủy ngang do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên mở theo yêu cầu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 302.506,32 USD.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Lương Thị Thúy Hà  
Người lập biểuLý Thị Liên  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013